

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 206/2019/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 7 năm 2019



Người ký: Hội đồng
Nhân dân tỉnh Quảng
Ninh
Email:
hdnd@quangninh.gov.
vn
Cơ quan: Tỉnh Quảng
Ninh
Thời gian ký:
02.08.2019 14:41:25
+07:00

NGHỊ QUYẾT

**Về việc Quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức,
hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ có nguyện vọng
nghỉ công tác để giải quyết chế độ hưu trí hoặc thôi việc**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 4266/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ có nguyện vọng nghỉ công tác để giải quyết chế độ hưu trí, thôi việc theo nguyện vọng; Báo cáo thẩm tra số 507/BC-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ có nguyện vọng nghỉ công tác để giải quyết chế độ hưu trí hoặc thôi việc, như sau:

1. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan, tổ chức của đảng, cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã (sau đây gọi chung là cán bộ, công chức);

b) Viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện (sau đây gọi chung là viên chức);

c) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ làm việc trong các cơ quan, tổ chức của đảng, cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện (sau đây gọi tắt là hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP);

d) Người làm việc trong biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao tại các hội đặc thù cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Đối tượng không áp dụng

a) Cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP thuộc diện hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP;

b) Cán bộ thuộc diện hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

c) Cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP còn thời gian công tác dưới 06 tháng tuổi đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật;

d) Cán bộ, công chức, viên chức có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ hoặc tương đương, đại học chính quy loại giỏi thuộc đối tượng thu hút theo quy định của Tỉnh và của Chính phủ; bác sĩ và dược sĩ trở lên;

đ) Viên chức được phong danh hiệu Thầy thuốc ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Nhà giáo nhân dân, Giáo viên dạy giỏi cấp huyện trở lên;

e) Cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng từ nguồn ngân sách nhà nước;

g) Cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP đang trong thời gian xem xét kỷ luật, thi hành kỉ luật hoặc đang bị truy cứu trách

nhiệm hình sự; chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Điều kiện hỗ trợ

Các đối tượng quy định tại khoản 1 điều này được hưởng chính sách hỗ trợ để giải quyết chế độ hưu trí hoặc thôi việc khi có một trong những điều kiện sau:

a) Có nguyện vọng nghỉ công tác để giải quyết chế độ hưu trí, có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, còn thời gian công tác từ đủ 06 tháng đến đủ 60 tháng trước tuổi nghỉ hưu theo quy định, được cơ quan có thẩm quyền đồng ý và thuộc số lượng chỉ tiêu được phê duyệt tại Đề án tinh giản biên chế của cơ quan giai đoạn 2019 - 2021.

b) Có nguyện vọng thôi việc, còn thời gian công tác trên 60 tháng đến tuổi nghỉ hưu theo quy định, được cơ quan có thẩm quyền đồng ý và thuộc số lượng chỉ tiêu được phê duyệt tại Đề án tinh giản biên chế của cơ quan giai đoạn 2019 - 2021.

4. Chính sách hỗ trợ

a) Đối với người có nguyện vọng nghỉ công tác để giải quyết chế độ hưu trí

Mỗi tháng nghỉ việc trước tuổi nghỉ hưu theo quy định được hưởng 01 tháng tiền lương bình quân (bình quân tiền lương 60 tháng trước khi đối tượng có nguyện vọng nghỉ công tác để giải quyết chế độ hưu trí) và được hỗ trợ một lần tiền đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế (phần nhà nước đóng) cho số tháng nghỉ công tác trước tuổi nghỉ hưu theo quy định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 400.000.000 đồng/người.

b) Đối với người có nguyện vọng thôi việc

Ngoài việc được hưởng trợ cấp thôi việc theo quy định pháp luật hiện hành còn được tính hỗ trợ 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm và 1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (bình quân tiền lương 60 tháng trước khi đối tượng nghỉ hưu trước tuổi theo nguyện vọng, riêng những trường hợp chưa đủ 60 tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội thì được tính bình quân tiền lương tháng thực lĩnh của toàn bộ thời gian công tác). Mức hỗ trợ tối đa không quá 400.000.000 đồng/người.

5. Thời gian thực hiện chính sách: Từ 01/10/2019 đến 31/12/2021.

6. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách địa phương theo phân cấp và kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm của các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể về nguồn kinh phí thực hiện đối với các đối tượng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập và thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi tổ chức thực hiện Đề án tỉnh giảm biên chế theo chính sách của tỉnh giai đoạn 2019 - 2021.

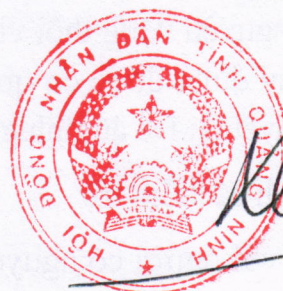
2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh, khóa XIII - Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 8 năm 2019./. *ly*

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Ban CTDB của UBND Quốc hội;
- Các bộ: Tài chính, Tư pháp, Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII;
- Các ban và Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND huyện, TX, TP;
- Trung tâm truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, PC.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Kỳ

Nguyễn Xuân Kỳ